

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHỢ GẠO
TỈNH TIỀN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 329/2024/DS-ST

Ngày: 26/8/2024

V/v "Tranh chấp hợp đồng
mua bán tài sản"

NHÂN DANH QUỐC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ GẠO, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Quang Minh;

Các Hội thẩm nhân dân: - Ông Nguyễn Văn Bé;

- Ông Nguyễn Hoa Kiều;

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Huyền Trân - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo;

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Gạo không tham gia phiên tòa.

Trong ngày 26 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 291/2024/TLST-DS ngày 13/6/2024 về việc "Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 140/2024/QĐXXST-DS ngày 23 tháng 7 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 188/2024/QĐ-ST ngày 09 tháng 8 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn M năm 1963.

Địa chỉ: Ấp A, xã H, huyện C, tỉnh Tiền Giang

Người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Huỳnh N năm 1988;

Địa chỉ: Ấp Đ, xã Đ, huyện C, tỉnh Tiền Giang

Bị đơn:

- Ông Lê Văn Đức Ú

- Bà Nguyễn Thị H

Địa chỉ: Ấp A, xã X, huyện C, tỉnh Tiền Giang

(Có mặt bà N

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*. Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, nguyên đơn ông Nguyễn Văn M1 trình bày:

Ông là chủ Đ1 từ năm 2017 đến năm 2019, ông có bán thức ăn chăn nuôi heo cho vợ chồng ông Lê Văn Đ Ú và bà Nguyễn Thị H1 mua bán hai bên có thoả thuận ngay khi bán heo thì vợ chồng ông Ú bà H2 trả đủ tiền thức ăn chăn nuôi cho ông. Việc mua bán thức ăn được theo dõi bằng sổ, ông Ú1 ký xác nhận nợ và khi thanh toán tiền. Tuy nhiên bị đơn không trả đủ tiền nợ thức ăn cho ông. Ngày 19/8/2019,

hai bên chốt lại số nợ là 181.737.000 đồng. Sau khi chốt nợ thì vợ chồng ông **Ú bà H3** trả cho ông số tiền 151.737.000 đồng vào khoảng cuối năm 2022, hiện bị đơn còn nợ ông số tiền 30.000.000 đồng nhưng ông **Ú2** H không trả dù ông đã yêu cầu nhiều lần.

Nay ông yêu cầu ông **Lê Văn Đức Ú3** bà Nguyễn Thị H phải trả số tiền mua bán thức ăn là 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu đồng), không yêu cầu tính lãi, yêu cầu trả khi án có hiệu lực pháp luật.

*. Quá trình giải quyết vụ án ông **Lê Văn Đ Ú** và bà Nguyễn Thị H mặc dù được Toà án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vắng mặt, không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông **Nguyễn Văn M1**.

*. Tại phiên toà, người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện, chỉ yêu cầu ông **Lê Văn Đ1** trả số tiền mua bán thức ăn là 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu đồng), không yêu cầu tính lãi, yêu cầu trả khi án có hiệu lực pháp luật. Rút yêu cầu khởi kiện yêu cầu liên đới trả nợ đối với bà Nguyễn Thị H

Ngoài ra, người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn không cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ mới yêu cầu Hội đồng xét xử xem xét. Bị đơn ông **Lê Văn Đ Ú** và bà Nguyễn Thị H vắng mặt lần thứ hai không có lý do chính đáng dù đã được Toà án triệu tập hợp lệ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra cũng như tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp: Ông **Nguyễn Văn M1** khởi kiện yêu cầu ông **Lê Văn Đ Ú** và bà Nguyễn Thị H trả số tiền mua bán thức ăn, xác định đây là “Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản”.

[2] Bị đơn ông **Lê Văn Đ Ú** và bà **Nguyễn Thị H4** trú trên địa bàn **huyện C** án này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về sự có mặt của đương sự:

Toà án nhân dân huyện Chợ Gạo đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo đúng qui định, bị đơn ông **Lê Văn Đ Ú** và bà Nguyễn Thị H vắng mặt lần thứ hai không có lý do chính đáng dù đã được Toà án triệu tập hợp lệ, do đó Toà án xét xử vắng mặt đương sự theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[4] Xét nội dung yêu cầu khởi kiện của ông **Nguyễn Văn M1**, Hội đồng xét xử thấy rằng:

[4.1] Tại phiên toà, người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với bà Nguyễn Thị H, chỉ yêu cầu ông **Ú** trả số tiền mua bán thức ăn là 30.000.000 đồng. Xét việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn phù hợp quy định pháp luật nên được HĐXX chấp nhận, đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của ông **Nguyễn Văn M1**.

[4.2] Đối với yêu cầu trả tiền mua bán thức ăn: Chứng cứ chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình, ông **M** cung cấp cho Tòa án sổ theo dõi nợ do ông **Ú** ký tên xác nhận. Xét nội dung sổ ghi chép thể hiện quá trình mua bán (số lượng

hàng hoá, số tiền từng lần giao dịch) giữa hai bên từ ngày 11/4/2017 đến ngày 19/8/2019, ông **Ú1** ký tên sau mỗi lần mua bán. Xét thấy, giao dịch được xác lập trên cơ sở tự nguyện, nội dung và hình thức giao dịch không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội, phù hợp quy định tại các Điều 116, 117, 118, 119 và Điều 463 Bộ luật dân sự năm 2015, nên làm phát sinh quyền, nghĩa vụ dân sự giữa các bên. Nội dung sổ ghi chép thể hiện số tiền mua bán còn nợ là 181.737.000 đồng vào ngày 19/8/2019 (sau khi ông **Ú4** số tiền 20.000.000 đồng cùng ngày), phù hợp với các khoản cộng dồn từ trước vào ngày 20/7/2019 thể hiện số tiền mua bán nợ là 194.462.000 đồng, ngày 08/8/2019 số tiền nợ 1.455.000 đồng, ngày 19/8/2019 số tiền nợ 5.820.000 đồng, có ông **Ú5** tên xác nhận. Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn trình bày ông Ú đã trả được số tiền 151.737.000 đồng vào khoảng cuối năm 2022, việc trả tiền không được lập thành biên nhận, tuy nhiên do nguyên đơn thừa nhận, tự nguyện cản trở và có lợi cho bị đơn nên được HĐXX xem xét chấp nhận, hiện số tiền còn nợ là 30.000.000 đồng. Do đó, việc ông Ú không thực hiện theo nội dung đã thỏa thuận là vi phạm nghĩa vụ đối với ông M.

Quá trình tố tụng, bị đơn ông **Lê Văn Đức Ú6 Nguyễn Thị H5** được Toà án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng các bị đơn không gửi các văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không tham gia các phiên hoà giải và không đến dự phiên toà, xem như không phản đối yêu cầu của nguyên đơn.

Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy có đủ căn cứ để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông **Nguyễn Văn M1**: Buộc ông Lê Văn Đức Ú có trách nhiệm trả số tiền mua bán thức ăn còn nợ 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu đồng).

[4.3] Về tiền lãi: Để tạo điều kiện cho bị đơn trả số tiền còn nợ, ông **Nguyễn Văn M1** không yêu cầu tính lãi. Xét, đây là sự tự nguyện của nguyên đơn, phù hợp với quy định pháp luật và có lợi cho bị đơn nên được chấp nhận.

[4.4] Về thời gian trả: Ông M yêu cầu ông Ú trả tiền ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật là có cơ sở nên chấp nhận.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông **Nguyễn Văn M1** là người cao tuổi, có đơn xin miễn nộp tiền tạm ứng án phí nên được miễn nộp tạm ứng án phí, án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Do yêu cầu của ông M được chấp nhận nên ông Lê Văn Đức Ú phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 5, khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227 ; khoản 3 Điều 228, Điều 235, khoản 2 Điều 244, Điều 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ các Điều 430, Điều 440 Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn M1.

Buộc ông Lê Văn Đức Ú có trách nhiệm trả cho ông Nguyễn Văn M1 số tiền mua bán thức ăn là 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu đồng). Thực hiện khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi đối với số tiền chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chậm trả.

2/ Đình chỉ giải quyết một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu bà Nguyễn Thị H liên đới trả tiền.

3/ Về án phí: Ông Lê Văn Đức Ú phải chịu 1.500.000 đồng (Một triệu năm trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

4/ Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tòa tuyên án. Đối với đương sự vắng mặt thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án Dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Chợ Gạo;
- Chi cục THADS huyện Chợ Gạo;
- Đương sự.
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Trần Quang Minh